TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Mạnh
Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đính
Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phương Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham dự phiên toà: Ông Nguyễn Đức Sách – kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 09/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án đưa vụ án ra xét xử số:30/2022/QĐXX – ST ngày 15/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị C, sinh năm 1987; Trú tại: Tổ 10, ấp 5, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước (Có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1985; Trú tại: Tổ 4, ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn Chị Đỗ Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và Anh Trần Văn Đ tự nguyện kết hôn ngày 26/8/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu hôn nhân chị C và anh Đ chung sống hạnh phúc. Khoảng gần 02 năm trở lại đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ làm nghề lao động phổ thông, bản thân chị C làm công nhân thời vụ nhưng thất nghiệp do dịch bệnh Covid 19 nên kinh tế gia đình ngày càng trở nên khó khăn, túng thiếu. Do vậy vợ chồng thường xuyên lời qua tiếng lại, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng tẻ nhạt, vô cảm với nhau. Chính vì vậy, từ tháng 9/2020 cho đến nay anh Đ đã bỏ mặc mẹ con chị C ở nhà trọ thuê, còn anh Đ thì về nhà của cha mẹ đẻ tại ấp 2, xã M, huyện C để sinh sống. Chị C nghĩ vợ chồng sống ly thân thì

anh Đ sẽ có thời gian để hồi tâm, suy nghĩ về mái ấm gia đình, về tình yêu thương trách nhiệm với vợ con, hi vọng sẽ quay trở lại, nhưng từ thời điểm về ở với cha mẹ cho đến nay gần 02 năm trôi qua mà anh Đ chưa một lần về thăm vợ con. Vì vậy, chị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị C được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị C và anh Đ có một con chung tên Trần Trà M, sinh ngày 01/10/2015, hiện cháu M đang chung sống với chị C. Khi ly hôn chị C yêu cầu Tòa án giao cháu M cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng, chị C không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về sản chung: Chị C không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Chị C khai không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Anh Trần Văn Đ trình bày:

Bị đơn Anh Trần Văn Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Toà án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu gì của anh Đ đối với các yêu cầu khởi kiện của chị C.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Chị Đỗ Thị C có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình đối với Anh Trần Văn Đ. Chị C không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của các đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật tại các Điều 69, 70, và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Qúa trình giải quyết vụ án bị đơn Anh Trần Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do, việc Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt anh Đ là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho chị C được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Trà M, sinh ngày 01/10/2015 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con do chị C không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn Chị Đỗ Thị C và trong quá trình giải quyết vụ án thì Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Anh Trần Văn Đ có nơi cư trú tại ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Đ tự nguyện chung sống và kết hôn, hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước vào ngày 26/8/2014. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì hôn nhân giữa chị C và anh Đ là hợp pháp. Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng chị C cho rằng từ năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau, công việc làm không ổn định, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng không còn hoà hợp nên chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ. Xét thấy, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần triệu tập anh Đ đến Toà án làm việc để ghi nhận ý kiến của anh Đ nhưng anh Đ vắng mặt, như vậy anh Đ đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn chị C để giải quyết vụ việc. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Toà án đã nhiều lần triệu tập chị C và anh Đ hoà giải, động viên, thuyết phục và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị C đề nghị không tiến hành hoà giải, anh Đ thì vắng mặt. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh Đ đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị C là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị C được ly hôn với anh Đ.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị C và anh Đ có một con chung tên Trần Trà M, sinh ngày 01/10/2015, khi ly hôn chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu M. Xét thấy, từ khi chị C và anh Đ sống ly thân cho đến nay cháu M sống chung với chị C, anh Đ không quan tâm, chăm sóc cháu M, bản thân chị C có công việc, thu nhập ổn định đủ khả năng để nuôi con, cháu M cũng có nguyện vọng được sống chung với chị C. Do vậy yêu cầu của chị C là có cơ sử được Hội đồng xét xử chấp nhận, giao con chung tên Trần Trà M, sinh ngày 01/10/2015 cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đỗ Thị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[*2.4]. Về tài sản chung:* Chị Đỗ Thị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.5]. Về nợ chung: Chị Đỗ Thị C khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị C được chấp nhận nên chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, anh Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 81; 82;83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Đỗ Thị C:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Đỗ Thị C được ly hôn với Anh Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Trà M, sinh ngày 01/10/2015 cho Chị Đỗ Thị C trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đỗ Thị C phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0011681 ngày 07/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bình Phước.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã M, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Quốc Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:		**Thẩm phán** **Chủ tọa phiên tòa**
Hồ Thị Xuân Thiều	**Phạm Xuân Đính**	**Trần Quốc Mạnh**

Nơi nhận
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Quốc Mạnh